

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐ ; Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Y học; Chuyên ngành: Nhi khoa

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Ngô Anh Vinh

2. Ngày tháng năm sinh: 13/3/1975; Nam ☒ Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Viên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): P710, Chung cư Thăng Long, 33 Mạc Thái Tổ, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): P710, Chung cư Thăng Long, 33 Mạc Thái Tổ, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: Điện thoại di động: 0912297770; E-mail: drngovinh@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 3 năm 2001 đến tháng 3 năm 2008: công tác tại Bệnh viện Nhi Nghệ An

- Từ tháng 4 năm 2008 đến nay: công tác tại Bệnh viện Nhi Trung ương

- Chức vụ hiện nay: Phó trưởng khoa Sức khoẻ Vị thành niên, Bệnh viện Nhi Trung ương;

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng khoa

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
- Cơ quan công tác hiện nay: Bệnh viện Nhi Trung Ương

Địa chỉ cơ quan: 18/879 La Thành, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: (+84) 0865 879 879

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): tham gia thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học.

8. Đã nghỉ hưu từ tháng: chưa

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội; Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên; Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 14 tháng 9 năm 1999; số văn bằng: 36989; ngành: Y học, chuyên ngành: Đa khoa; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Y Thái Bình.

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 11 tháng 4 năm 2007; số văn bằng: 1168; ngành: Y học; chuyên ngành: Nhi khoa; Nơi cấp bằng Thạc sĩ: Trường Đại học Y Hà Nội.

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 05 tháng 02 năm 2020; số văn bằng: 10188; ngành: Y học; chuyên ngành: Nhi khoa; Nơi cấp bằng Tiến sĩ: Trường Đại học Y Hà Nội.

- Được cấp bằng TSKH ngày tháng năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu

- *Hướng nghiên cứu thứ 1: Lâm sàng Nhi khoa.*

Các nghiên cứu thực hiện về các bệnh lý thường gặp trong lâm sàng Nhi khoa, gồm nhiều chuyên khoa khác nhau như: hô hấp, tim mạch, thần kinh, tiêu hoá,... Các nghiên cứu chủ yếu là đánh giá về đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, kết quả điều trị và các yếu tố liên quan. Các kết quả nghiên cứu giúp nâng cao chất lượng khám và hiệu quả điều trị nhằm hạn chế các biến chứng của bệnh, giảm tỷ lệ tử vong, nâng cao chất lượng sống của bệnh nhân. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cũng là cơ sở để đưa ra các biện pháp phòng ngừa nhằm giảm tỷ lệ mắc bệnh, tư vấn giúp phát hiện bệnh sớm để khám và điều trị bệnh kịp thời.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Theo hướng nghiên cứu này, ứng viên đóng vai trò là chủ nhiệm và thư ký 01 đề tài cấp cơ sở.

Các nghiên cứu hầu hết được phối hợp với công tác đào tạo và có được một số sản phẩm phục vụ cho hoạt động này. Bản thân là hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ cho 01 bác sĩ nội trú về lĩnh vực này. Ngoài ra, ứng viên là chủ biên của 01 quyển sách chuyên khảo về hướng nghiên cứu này đã được thẩm định và đưa vào áp dụng trong chương trình giảng dạy sau đại học của trường Đại học Y Dược Hải Phòng. Quyển sách chuyên khảo là sản phẩm chủ yếu từ các kết quả nghiên cứu của bản thân tác giả đã được công bố trước đây.

- *Hướng nghiên cứu thứ 2: Sức khỏe vị thành niên.*

Nghiên cứu về lĩnh vực sức khỏe vị thành niên bao gồm: các nghiên cứu lâm sàng và cộng đồng về các chủ đề: sức khỏe tâm thần, các rối loạn về tâm lý ở lứa tuổi vị thành niên (từ 10 -18 tuổi). Các kết quả nghiên cứu trên lâm sàng nhằm nâng cao hiệu quả chẩn đoán và điều trị cho bệnh nhân. Các kết quả nghiên cứu ở cộng đồng nhằm đưa ra thực trạng cũng như các yếu tố liên quan về sức khỏe tâm thần cũng như các vấn đề tâm lý ở trẻ vị thành niên. Từ đó, nghiên cứu khuyến nghị về giải pháp phòng ngừa về các vấn đề này cho trẻ vị thành niên. Các nghiên cứu hướng tới mục tiêu đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn diện cho trẻ vị thành niên, nhân tố quan trọng trong tương lai của xã hội.

Trong hướng nghiên cứu này, bản thân là chủ nhiệm và thư ký 01 đề tài cấp cơ sở và là thành viên tham gia 01 đề tài cấp Bộ. Ngoài ra, ứng viên đã hướng dẫn thành công 01 thạc sĩ về lĩnh vực này.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 01 HVCH và 02 BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/BSNT
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: chủ nhiệm 02 đề tài cấp cơ sở; tham gia 1 đề tài cấp Bộ.
- Đã công bố (số lượng) **66** bài báo khoa học với **56** bài là tác giả chính, trong đó **05** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín trong đó có **03** là tác giả chính.
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 01 sách trong đó chủ biên 01 sách chuyên khảo thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Bằng khen bộ Y tế năm 2019, số 2860/QĐ-BYT. Đạt thành tích chiến sĩ thi đua cấp cơ sở các năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Có đủ tiêu chuẩn nhà giáo theo quy định tại Luật Giáo dục và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục (2009).

- Về phẩm chất cá nhân: trung thực, có tư cách đạo đức tốt, có tư tưởng vững vàng và trong sáng, tận tâm với giáo dục.

- Về chuyên môn, nghiệp vụ: được đào tạo đầy đủ về chuyên môn và các tiêu chuẩn nghiệp vụ.

- Về ý thức nghiên cứu khoa học: say mê nghiên cứu khoa học, luôn mong muốn học tập và nâng cao trình độ chuyên môn.

- Các hoạt động phối hợp: luôn đề cao sự hợp tác, làm việc nhóm với các cá nhân, các đơn vị - tổ chức. Biết phối hợp giữa giảng dạy, nghiên cứu khoa học và áp dụng kiến thức trong thực hành lâm sàng.

- Phẩm chất trong công việc, giảng dạy: gương mẫu trong quá trình công tác và giảng dạy, giữ gìn tốt hình ảnh của người giáo viên. Luôn cố gắng hỗ trợ và khuyến khích sự sáng tạo và tự học của học viên. Luôn cố gắng bảo vệ và đảm bảo quyền lợi của học viên.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 05 năm (2019-2024).

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2018-2019							
2	2019-2020					80		80/40/135
3	2020-2021					112	78	190/182/142,9
03 năm học cuối								
4	2021-2022			02		50	100	150/222,4/135
5	2022-2023			01		20	100	120/201,2/135
6	2023-2024				02		158	158/273,4/142,5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ngoại ngữ: Trường Đại học Hà Nội, số bằng: D230102; năm cấp: 2023.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bằng cử nhân

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Huệ Linh		BSNT		x	2021-2022	Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên	Cấp bằng ngày 14/3/2023
2	Nguyễn Thị Uy		BSNT	x		2022-2023	Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên	Cấp bằng ngày 1/2/2024
3	Nguyễn Đức Khánh		HVCH	x		2021-2022	Trường Đại học Y tế công cộng	Cấp bằng ngày 18/3/2024

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Vai trò của Peptide lợi niệu natri typ B trong các bệnh lý tim mạch trẻ em	Chuyên khảo	Nhà xuất bản Y học, năm 2024	1	x		Quyết địnhĐ số 1950/QĐ-YDHP ngày 17/10/2023

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: []: 01 sách chuyên khảo là chủ biên sau TS.

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	Nghiên cứu áp dụng thang điểm viêm ruột thừa cấp trẻ em tại Bệnh viện Nhi Trung ương	Thư ký	Cấp cơ sở	2014 -2015	28/12/2015 theo QĐ số 69/QĐ-VNICYHĐTH, xếp loại đạt
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Khảo sát rối loạn trầm cảm, lo âu và cô đơn và một số yếu tố liên quan của học sinh trung học dân tộc thiểu số nội trú tỉnh Lạng Sơn	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2023 -2024	27/6/2024 theo QĐ số 1918/ QĐ-BVNTW, xếp loại xuất sắc
2	Nghiên cứu nồng độ Peptide lợi niệu natri typ B huyết tương trong giai đoạn vị thành niên tại Bệnh viện Nhi Trung ương.	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2021	31/12/2021 theo QĐ số 2018/QĐ - YDHP, xếp loại xuất sắc
3	Xác định tỉ lệ và mức độ lo âu, trầm cảm, stress ở học sinh trung học cơ sở tại Hà Nội	Thư ký	Cấp cơ sở	2020-2021	27/12/2022 theo QĐ số 4351/QĐ-BVNTW, xếp loại khá
4	Nhu cầu tiếp cận các dịch vụ tư vấn sức khỏe và sức khỏe tâm thần của thanh thiếu niên sau Đại dịch Covid - 19	Thành viên	Cấp bộ	1-12/2023	15/12/2023 theo QĐ số 353QĐ/TWĐTN-VNCTN xếp loại tốt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Góp phần đánh giá kết quả điều trị đóng ống động mạch trẻ em bằng amplatzer tại Bệnh viện Nhi Trung ương	2	x	Nghiên cứu Y học			55(6), 20 - 25	2007
2	Nghiên cứu sự biến đổi nồng độ Natriuretic Peptide Typ B (Pro-BNP) trong suy tim trẻ em tại Bệnh viện Nhi Trung Ương,	2	x	Y học thực hành			838(8), 60 - 62	2012
3	Trường hợp sốc tim do viêm cơ tim	2	x	Y học thực hành			946(12), 49 - 51	2014
4	Vai trò của Peptide lợi niệu typ B (NT-ProBNP) trong tiên lượng suy tim trẻ em	3	x	Nhi khoa			9(5), 46- 51	2016
5	Nghiên cứu giá trị của Peptide lợi niệu Típ B (NT-ProBNP) trong chẩn đoán suy tim ở trẻ em	2	x	Y học Việt Nam			441 (2), 109-113	2016
6	Nghiên cứu vai trò của Peptide lợi niệu typ B (NT-ProBNP) trong đánh giá suy tim ở trẻ em	2	x	Y Dược Lâm sàng 108			12(8), 19-21	2017
7	Xác định nồng độ peptide lợi niệu typ B (NT-ProBNP) huyết thanh trong suy tim ở trẻ em.	3	x	Y học thực hành			1085(11), 101-104.	2018
8	Nghiên cứu chẩn đoán các dấu sinh	4	x	Nhi khoa			11(5), 7 - 13	2018

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	học trong viêm cơ tim cấp tại khoa Cấp cứu và chống độc - Bệnh viện Nhi Trung ương							
II	Sau khi được công nhận TS							
9	Nghiên cứu các đặc điểm lâm sàng suy tim ở trẻ em tại khoa Cấp cứu - Bệnh viện Nhi Trung ương	7	x	Y học Thực hành			1126(2), 2 - 5	2020
10	Vai trò của NT-ProBNP huyết thanh trong tiên lượng phẫu thuật tim bẩm sinh ở trẻ em tại Bệnh viện Nhi Trung ương	1	x	Y học Việt Nam			497(2), 166 -170	2020
11	Xác định tỉ lệ trầm cảm, lo âu, stress của học sinh Trung học cơ sở tại tỉnh Hưng Yên.	4	x	Y học cộng đồng			64(3), 83 - 88	2021
12	Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng bệnh cơ tim giãn ở trẻ em tại Bệnh viện Nhi Trung ương	1	x	Y học Việt Nam			506(1), 180 -183	2021
13	Kết hợp hoá dược và can thiệp tâm lý - xã hội trong điều trị rối loạn tăng động giảm chú ý: Nghiên cứu trường hợp	3		Hội khoa học tâm lý -giáo dục Việt Nam			Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia, Hà Nội 503-516	2021
14	Kết quả cấp cứu ngừng tuần hoàn ở trẻ em tại Bệnh viện Nhi Trung ương giai đoạn 2018-2019	3	x	Nghiên cứu Y học			152(4), 118 -125	2022
15	Kết quả điều trị suy tim ở trẻ em tại Bệnh viện Nhi Trung ương	7	x	Y học Việt Nam			512(2), 184-189	2022
16	Nghiên cứu giá trị điểm cắt của NT-ProBNP huyết tương	2	x	Nghiên cứu Y học			151(3), 153-161	2022

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	trong chẩn đoán suy tim ở trẻ em							
17	Nồng độ NT-ProBNP huyết tương ở trẻ em khoẻ mạnh	1	x	Nghiên cứu Y học			149(1), 18-24	2022
18	Một số yếu tố liên quan đến kết quả cấp cứu ngừng tuần hoàn ở trẻ em	2	x	Y học Việt Nam			516(2), 305-310	2022
19	Một số yếu tố tiên lượng điều trị suy tim trẻ em tại Bệnh viện Nhi Trung ương	7	x	Y học Việt Nam			515(1), 327-331	2022
20	Kết quả điều trị sốc phản vệ tại khoa Hồi sức tích cực - chống độc, Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An	4	x	Y học Việt Nam			512(1), 159-163	2022
21	Một số đặc điểm dịch tễ học lâm sàng ngừng tuần hoàn ở trẻ em tại Bệnh viện Nhi Trung ương	2		Y học Việt Nam			510(2), 204 -207	2022
22	Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng tiêu chảy khi sử dụng kháng sinh ở trẻ em dưới 6 tuổi tại Bệnh viện Nhi Trung ương.	12	x	Y học cộng đồng			63(1), 121-126	2022
23	Một số yếu tố liên quan đến rối loạn trầm cảm, lo âu, stress ở học sinh tại trường Trung học cơ sở Tây Sơn và Nguyễn Du - Hà Nội	3	x	Nghiên cứu và thực hành Nhi khoa			6(1), 34-42	2022
24	Kết quả nội soi phế quản ống mềm bệnh lý hô hấp ở trẻ em tại Bệnh viện Sản nhi Nghệ An từ 1/2018 tháng 9/2019	4	x	Y học cộng đồng			63(3), 159-164	2022
25	Đặc điểm lâm sàng ngôn ngữ ở trẻ rối	2		Y học cộng đồng			63(2), 107-112	2022

	loạn phổ tự kỷ từ 24 - 36 tháng							
26	How technology help in diagnosis and monitor progress and understanding of mental wellbeing: initial results in the department of Adolescent health, National Pediatric Hospital	2		Journal of Health and Development Studies			6 (2), 38-45	2022
27	Psychiatric pathology model at the Department of adolescent health at Vietnam National Children's Hospital in the period 2020-2021	2	x	Journal of Medical Research			161(12), 104 -111	2022
28	Value of serum NT-ProBNP concentration in the diagnosis of some acquired heart diseases in children	2	x	Journal of Health Sciences			1(6), 8-14	2023
29	Kết quả xử trí cắt cơn nhịp nhanh kịch phát trên thất tại khoa Cấp cứu – chống độc, Bệnh viện Nhi Trung ương	3		Y học cộng đồng			64(1), 79-86	2023
30	Determination of plasma B-type Natriuretic Peptide concentrations in the neonatal period	2	x	Journal of Health Sciences			1(6), 33-39	2023
31	Kết quả điều trị viêm phổi do phế cầu ở trẻ em dưới 5 tuổi tại khoa Hô hấp, Bệnh viện Sản nhi Nghệ An	2	x	Y học Việt Nam			523(1), 63-67	2023
32	Một số đặc điểm lâm sàng suy hô hấp cấp	4	x	Y học Việt Nam			526(2), 63-68	2023

	theo khí máu ở trẻ em tại khoa hồi sức tích cực chống độc Bệnh viện Sản nhi Nghệ An							
33	Factors related to suicidal behavior in adolescents at the Vietnam National Children's Hospital from 2020 - 2022	2	x	Journal of Medical Research			166(5), 103-110	2023
34	Thực trạng trầm cảm, lo âu và stress của học sinh Trung học cơ sở dân tộc miền núi thiểu số ở trường Thải Giàng Phố, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai	2	x	Y học Việt Nam			527(2), 196-200	2023
35	Plasma B-type Natriuretic peptide concentrations during adolescent period	3	x	Journal of Health Sciences			1 (3), 90-96	2023
36	Một số đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng nhịp nhanh trên thất ở trẻ em tại khoa Cấp cứu - chống độc, Bệnh viện nhi Trung ương giai đoạn 2021- 2022	3	x	Y học Việt Nam			536 (1A), 103-108	2023
37	Một số yếu tố ảnh hưởng đến kết quả dự phòng hen phế quản bằng singulair tại Bệnh viện Sản nhi Nghệ An	2	x	Y học Việt Nam			526(2), 163-167	2023
38	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng động kinh kháng thuốc ở trẻ em tại khoa thần kinh - Bệnh viện Sản nhi Nghệ An năm 2020	2	x	Y học Việt Nam			527(2), 40-44	2023

39	Căn nguyên vi khuẩn và một số yếu tố liên quan gây viêm phổi cộng đồng ở trẻ em tại Bệnh viện Nhi Trung ương bằng kỹ thuật Realtime PCR đa môi	2		Y học Việt Nam			532(1), 252-257	2023
40	Một số yếu tố liên quan đến tình trạng dinh dưỡng ở trẻ dưới 5 tuổi tại Bệnh viện đa khoa Thành phố Hà Tĩnh	2	x	Y học Việt Nam			533(1), 227-231	2023
41	Một số đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và yếu tố liên quan với mức độ viêm phổi ở trẻ em dưới 5 tuổi tại Bệnh viện đa khoa Thành phố Hà Tĩnh năm 2021	2	x	Y học Việt Nam			533(2), 88-92	2023
42	Một số đặc điểm dịch tễ học lâm sàng bệnh Lupus ban đỏ hệ thống ở trẻ em	3		Y học Việt Nam			533 (2), 241-245	2023
43	The clinical characteristics of dissociative disorders at adolescent health Department, Vietnam National Children's Hospital	2	x	Journal of Medical Research			173(12), 159-166	2023
44	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng co giật ở trẻ từ 2 tháng đến 60 tháng tuổi tại khoa Cấp cứu và chống độc, Bệnh viện Nhi Trung ương	4		Y dược học Quân sự			48(9), 75-85	2023
45	Sự phát triển tâm thần – vận động bệnh động kinh ở trẻ dưới 6 tuổi tại Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An	6	x	Y học Việt Nam			533(1), 60-64	2023

46	Khảo sát kiến thức của mẹ có con bị sốt điều trị nội trú tại Bệnh viện đa khoa Thành phố Hà Tĩnh	12	x	Y học Việt Nam			532(1B), 88-92	2023
47	Value of plasma NT-ProBNP concentration in the diagnosis of congenital heart in children	2	x	Journal of Health Sciences			1 (3), 103-110	2023
48	Sự tuân thủ điều trị bệnh Lupus ban đỏ hệ thống ở trẻ em tại Bệnh viện Nhi Trung ương và các yếu tố liên quan	3	x	Y học Việt Nam			536(2), 208-212	2024
49	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng bệnh Kawasaki và một số yếu tố liên quan đến tổn thương động mạch vành ở Bệnh viện Sản nhi Nghệ An	2	x	Y học Việt Nam			536(2), 73-78	2024
50	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị bệnh ho gà tại khoa Bệnh nhiệt đới, Bệnh viện Sản nhi Nghệ An	2	x	Y học Việt Nam			536(1B), 104-18	2024
51	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và một số yếu tố tiên lượng điều trị viêm màng não nhiễm khuẩn ở trẻ em tại Bệnh viện Sản nhi Nghệ An	2	x	Y học Việt Nam			535(1B), 59-63	2024
52	Một số yếu tố liên quan đến kết quả điều trị nhiễm khuẩn hô hấp cấp nặng nhiễm virus hợp bào hô hấp tại khoa Hồi sức tích cực - Chống độc,	2	x	Y học Việt Nam			535(1B), 197-201	2024

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	Bệnh viện Sản nhi Nghệ An							
53	Khảo sát một số vấn đề hành vi và cảm xúc bằng bảng kiểm hành vi trẻ em (CBCL) của học sinh Trung học phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Lạng Sơn năm 2023.	2	x	Nghiên cứu Y học			175(2), 224-234	2024
54	Một số đặc điểm lâm sàng rối loạn trầm cảm vị thành niên và một số yếu tố liên quan tại Bệnh viện Nhi Trung ương	2	x	Y học cộng đồng			65(3), 188-194	2024
55	Kết quả xử trí cắt cơn co giật ở trẻ từ 2 tháng đến 60 tháng tuổi theo phác đồ APLS tại khoa Cấp cứu và chống độc Bệnh viện Nhi Trung ương	4	x	Y học Việt Nam			539(10), 46-50	2024
56	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị sốt tại khoa bệnh nhiệt đới Bệnh viện sản nhi Nghệ An năm 2018 - 2019	2	x	Y học Việt Nam			539 (số đặc biệt), 289-205	2024
57	Using Birleson Depression Self-Rating Scale to Measure Depressive Symptoms among Urban Adolescents in Hanoi, Vietnam	2	x	Journal of Medical Research			177(4), 176-184	2024
58	Adverse Childhood Experience among Adolescents in the Ethnic Minorities of Lang Son Province	2	x	Journal of Medical Research			177(4), 167-175	2024
59	Đặc điểm lâm sàng rối loạn tic ở trẻ vị	3	x	Y học dự phòng			34(3), 101-108	2024

	thành niên tại Bệnh viện nhi Trung ương							
60	Nhận thức và thái độ về bình đẳng giới ở học sinh trung học cơ sở tại Hà Nội	2	x	Y học Việt Nam			539 (số đặc biệt), 325-330	2024
61	Nhận thức về kiến thức và ảnh hưởng của Covid-19 ở học sinh Trung học cơ sở tại Hà Nội và mối liên quan với thành tích học tập	2	x	Y học dự phòng			34(3), 177-184	2024
Các bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín sau TS								
62	Parent, friend and teacher relationships buffer against the effect of adverse childhood experiences and mental disorders among adolescents in Urban Vietnam. doi: https://doi.org/10.1016/j.jadr.2024.100727	3	x	Journal of Affective Disorders Report ISSN: 2666-9153	Scopus, Q2		16 (2024), 100727	1/2024
63	Anxiety disorders and Coping Strategies among High school students in Vietnam after COVID-19 pandemic: A mixed-method evaluation doi: 10.3389/fpubh.2024.1232856	4		Frontiers in Public Health ISSN: 2296-2565	IF=3.1, ISI (SCIE), Q1		16;12, 1232856	1/2024
64	Association between genetic polymorphism of SCN1A, GABRA1 and ABCB1 with drug responsiveness in Vietnamese epilepsy children	8		Medicina ISSN: 1648-9144	IF=2.4, ISI (SCIE), Q2		16;60(4): 637	4/2024

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	doi: 10.3390/medicina600 40637							
65	Mental Health among Ethnic Minority Adolescents in Vietnam: A Cross- Sectional Study doi: https://doi.org/10.1016/j.jadr.2024.100795	6	x	Journal of Affective Disorders Report ISSN: 2666- 9153	Scopus, Q2		17 (2024), 100795	Published online 5/2024
66	Utilizing the Short Mood and Feelings Questionnaire to Measure Symptoms of Depression among Vietnamese Adolescents in Hanoi, Vietnam, during the COVID- 19 Pandemic doi: //doi.org/10.3389/fpsy.2024.1400128	5	x	Frontiers in Psychiatry ISSN: 1664- 0640	IF=3.2, ISI (SCIE), Q1		13;15, 1400128	6/2024

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 03 bài

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): thiếu 01 năm.

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

Thiếu giờ chuẩn giảng dạy quy đổi năm học 2019-2020.

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:
+ Đã hướng dẫn chính 02 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT
(UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng
ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 02 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế
cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho
việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngô Anh Vinh